

Bản án số: 03/2026/DS-ST

Ngày: 20/01/2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Long

Ông Trần Văn Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại Hội trường C - Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 123/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T1 (Việt Nam)

Địa chỉ: Số I P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần La Ngọc H1, chức vụ: Trưởng phòng tổ tụng (Theo Quyết định số 162/2024/QĐ-MAFC ngày 02/4/2024)

Đại diện theo ủy quyền công ty T2: Công ty L1. (Theo hợp đồng ủy quyền số 09/2024/GUQ-MAFC ngày 02/5/2024)

Đại diện theo pháp luật: Ông Cồ Lê H2, chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Võ Bá L, sinh năm 2002

Địa chỉ: Số B L, phường X, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền số 08/GUQ-2024 ngày 26/6/2024).

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Hoài T, sinh năm 1999; Địa chỉ: Ấp H, xã D, tỉnh Đồng Nai.

(Anh Võ Bá L và chị Trần Thị Hoài T đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2025, các lời khai bổ sung, nguyên đơn - Công ty tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam) do anh Võ Bá Luân đại diện trình bày:

Ngày 15/7/2023, Công ty tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty Mirae Asset) ký Hợp đồng tín dụng số 4766743 về việc cấp tín dụng cho chị Trần Thị Hoài Thương vay số tiền là 31.340.700đ (Ba mươi một triệu ba trăm bốn mươi nghìn bảy trăm đồng); trong đó bao gồm khoản vay 29.100.000đ (Hai mươi chín triệu một trăm nghìn đồng) và 2.240.700đ (Hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn bảy trăm đồng) tiền bảo hiểm khoản vay với lãi suất cố định là 50%/năm. Theo đó, chị Thương có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng trong kỳ hạn 30 tháng tính từ ngày 10/8/2023 đến ngày 10/01/2026.

Giấy “Đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng” số 4766743 được ký kết giữa Công ty Mirae Asset và chị Thương là hợp đồng được giao kết thông qua hình thức ký kết hợp đồng điện tử. Hợp đồng này được các bên giao kết thông qua việc chị Thương đồng ý các điều khoản quy định trên hợp đồng và xác nhận ký hợp đồng bằng cách nhập mã OTP được gửi từ hệ thống qua SMS hoặc Email. Sau khi kiểm tra OTP hợp lệ, Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT (là đơn vị đã đăng ký Hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử theo quy định pháp luật Việt Nam) sẽ khởi tạo chữ ký số, thực hiện ký hợp đồng điện tử và lưu trữ hợp đồng điện tử, thông tin khoản vay. Khi đó, Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT cũng sẽ tự động khởi tạo chữ ký số và thực hiện ký hợp đồng điện tử cho Công ty Mirae Asset.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, ngày 17/7/2023 Công ty Mirae Asset đã tiến hành giải ngân toàn bộ số tiền vay cho chị Thương theo đúng quy định trong hợp đồng tín dụng, số tiền giải ngân được Công ty Mirae Asset chuyển khoản vào tài khoản do chị Thương cung cấp tại Đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Tên tài khoản: TRAN THI HOAI THUONG
- Số tài khoản: 1023945698
- Tại ngân hàng: TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)
- Nội dung: MIRAE ASSET CHUYEN TIEN GN TRAN THI HOAI THUONG HD 4766743
- Số tiền giải ngân: 29.100.000 đồng

Qua đó, chị Thương có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền hàng tháng cho Công ty Mirae Asset theo đúng thỏa thuận đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng trên vào ngày 10 hàng tháng.

Tuy nhiên, từ ngày 11/7/2024 (thời điểm bắt đầu chuyển nợ quá hạn), chị Thương đã ngừng thanh toán khoản vay cho Công ty Mirae Asset mặc dù Công ty đã nhiều lần nhắc nhở cũng như gọi điện thoại liên hệ đề nghị chị Thương thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình nhưng không nhận được bất kỳ phản hồi tích cực nào từ chị Thương về việc thanh toán khoản vay đã quá hạn trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, chị Thương mới chỉ thanh toán được 12 kỳ với tổng số tiền là 17.720.390đ (Mười bảy triệu bảy trăm hai mươi nghìn ba trăm chín mươi đồng); trong đó bao gồm: 1.133.258đ (Một triệu một trăm ba mươi ba nghìn hai trăm năm mươi tám đồng) tiền nợ gốc; 16.443.132đ (Mười sáu triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn một trăm ba mươi hai đồng) tiền lãi và 144.000đ (Một trăm bốn mươi bốn nghìn) tiền phí thu hộ (lịch sử thanh toán cụ thể được thể hiện tại “Báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng” đính kèm theo đơn khởi kiện.

Việc chị Thương cố tình trì hoãn thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo thỏa thuận trong “Hợp đồng tín dụng” mà hai bên ký kết đã trực tiếp ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Mirae Asset.

Tính đến ngày 20/01/2026, chị Thương đã trễ hạn, không thanh toán cho Công ty Mirae Asset các khoản tiền sau:

- Số tiền nợ gốc còn lại chưa thanh toán là 30.207.442đ (Ba mươi triệu hai trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng).

- Số tiền lãi chưa thanh toán (số tiền lãi chưa trả tính từ kỳ 13 đến kỳ 30) là 12.292.839đ (Mười hai triệu hai trăm chín mươi hai nghìn tám trăm ba mươi chín đồng).

- Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn ($150\% \times \text{lãi suất năm} \times \text{số tiền gốc phải trả mỗi kỳ} \times \text{số ngày trễ hạn} / 365 \text{ ngày}$) là 14.635.074đ (Mười bốn triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi tư đồng).

- Số tiền lãi chậm trả ($10\% \times \text{số tiền lãi phải thanh toán mỗi kỳ} \times \text{số ngày trễ hạn} / 365 \text{ ngày}$) là 1.239.804đ (Một triệu hai trăm ba mươi chín nghìn tám trăm lẻ bốn đồng).

Công ty Mirae Asset yêu cầu chị Thương thanh toán toàn bộ khoản vay cho Công ty (bao gồm dư nợ gốc còn lại của khoản vay, lãi, phí) tính đến ngày 20/01/2026 với tổng số tiền là 58.375.159đ (Năm mươi tám triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm năm mươi chín đồng) và lãi, phí phát sinh từ ngày 21/01/2026 đến khi hoàn tất thanh toán theo hợp đồng.

Bị đơn - chị Trần Thị Hoài Thương vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự (nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do) nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về đường lối giải quyết vụ án:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không phản hồi, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Trần Thị Hoài T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T1 tổng số tiền nợ (gốc, lãi, phí) tính đến ngày 20/01/2026 là 58.375.159đ (Năm mươi tám triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm năm mươi chín đồng).

Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Công ty T1 (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu bị đơn - chị Trần Thị Hoài T trả số tiền nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo kết quả xác minh, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện T (nay là xã D), tỉnh Đồng Nai, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai.

[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng:

- Công ty T1 (Việt Nam) là nguyên đơn, chị Trần Thị Hoài T là bị đơn trong vụ kiện.

- Nguyên đơn ủy quyền cho Công ty L1 do anh Võ Bá L đại diện, việc ủy quyền được xác lập bằng văn bản (BL 04, 29) nên anh L tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

[1.3] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự:* Theo kết quả xác minh ngày 22/7/2025, bị đơn - chị Trần Thị Hoài T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã H, huyện T (nay là xã D), tỉnh Đồng Nai nhưng hiện chị T đã bỏ đi khỏi địa phương từ khoảng hơn 01 năm nay và không xác định được địa chỉ cư trú hiện tại (BL 79). Tòa án đã thông báo yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ hiện đang cư trú của bị đơn (BL 80) nhưng nguyên đơn không cung cấp được, mặc dù đã được Tòa án giải thích về thủ tục tổng đạt trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng nguyên đơn không đề nghị Tòa án tiến hành thủ tục này. Căn cứ theo đề

ngợi vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 476643 ngày 14/7/2023 giữa Công ty T1 và chị Trần Thị Hoài T thể hiện chị T có địa chỉ tại ấp H, xã H, huyện T (nay là xã D), tỉnh Đồng Nai. Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn ghi đúng địa chỉ do bị đơn cung cấp và địa chỉ này trùng khớp với kết quả xác minh tại Công an xã D, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xác định trường hợp này nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của bị đơn và bị đơn cố tình giấu địa chỉ, do đó Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt (nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do). Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.4] *Về thời hiệu khởi kiện:* Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên từ ngày 15/7/2023 với thời hạn vay đến ngày 10/01/2026. Ngày 11/7/2024, do chị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 18/02/2025 Công ty T1 khởi kiện đến Tòa án là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về đánh giá chứng cứ: Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện gồm: Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4766743 ngày 15/7/2023; Giấy chứng nhận quyền sử dụng chứng thư số FPT CA; Phiếu báo nợ ... Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập cũng như các văn bản tố tụng khác cho bị đơn - chị Trần Thị Hoài T đến làm việc và cung cấp các chứng cứ, trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nêu trên, nhưng chị T vắng mặt, không thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời tự từ bỏ quyền của đương sự về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

Như vậy, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu thanh toán nợ (gốc và lãi) của nguyên đơn: Ngày 15/7/2023, Công ty T1 đã ký đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng (thông qua hình thức ký kết hợp đồng điện tử) cho chị T vay số tiền là 31.340.700đ (Ba mươi một triệu ba trăm bốn mươi nghìn bảy trăm đồng); trong đó bao gồm khoản vay 29.100.000đ (Hai mươi chín triệu một trăm nghìn đồng) và 2.240.700đ (Hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn bảy trăm đồng) tiền bảo hiểm khoản vay với lãi suất cố định là 50%/năm. Ngày 17/7/2023, Công ty T1 đã giải ngân số tiền này vào số tài khoản của chị T tại Ngân hàng N.

Các bên khi tham gia giao kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản, có chữ ký của các bên và thỏa thuận về nội dung của hợp đồng ghi rõ về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, thời hạn thanh toán. Như vậy, điều kiện về nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, các bên tự nguyện tham gia ký kết, không bị ai ép buộc. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật, vì vậy các bên tham gia giao kết hợp đồng phải thực hiện quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận.

Đối với khoản vay 2.240.700 đồng dùng mua bảo hiểm khoản vay, hiện Công ty bảo hiểm toàn cầu thành phố H chưa chi trả bảo hiểm cho bên thụ hưởng (Công ty T1) hoặc người mua bảo hiểm là chị T nên nguyên đơn vẫn được quyền khởi kiện đối với chị T về khoản vay tín dụng nêu trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, chị T mới chỉ thanh toán được cho Công ty T1 số tiền là 17.720.390đ (Mười bảy triệu bảy trăm hai mươi nghìn ba trăm chín mươi đồng) và kể từ ngày 11/7/2024, chị T không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào khác nên đã vi phạm thời hạn trả nợ gốc và lãi theo kỳ hạn cho Công ty T1.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án (như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo giao nộp tài liệu chứng cứ; Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ...) cho bị đơn nhưng bị đơn không hợp tác đến Tòa án làm việc cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nộp cho Tòa án nên không có cơ sở để xem xét. Tuy nhiên, tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được tại Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Đ xác định: “*Trần Thị Hoài T, sinh ngày 08/11/1999, căn cước công dân số 037199000535, địa chỉ thường trú và địa chỉ nơi ở hiện tại: H - H - T - Đồng Nai, số tài khoản 1023945698 được mở tại V*” (BL108, 109) và Sao kê tài khoản trên xác định: “*Ngày 17/7/2023, số tiền ghi có 29.100.000 đồng, D giải/Nội dung chi tiết: MIRAE ASSET CHUYEN TIEN GN TRAN THI HOAI THUONG HD 4766743*” (BL 103). Như vậy, lời khai của nguyên đơn về quá trình thỏa thuận và thực hiện hợp đồng tín dụng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền nợ là 58.375.159đ (Năm mươi tám triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm năm mươi chín đồng) và tiếp tục trả khoản lãi, phí phát sinh cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ vay cho Công ty T1 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 117, 119, 357, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91; Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty T1 (Việt Nam), về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” với bị đơn - chị Trần Thị Hoài T.

Buộc chị Trần Thị Hoài T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền là 58.375.159đ (Năm mươi tám triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm năm mươi chín đồng); trong đó, số tiền nợ gốc là 30.207.442đ (Ba mươi triệu hai trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng); số tiền nợ lãi là 12.292.839đ (Mười hai triệu hai trăm chín mươi hai nghìn tám trăm ba mươi chín đồng); số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn là 14.635.074đ (Mười bốn triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi bốn đồng) và số tiền lãi chậm trả là 1.239.804đ (Một triệu hai trăm ba mươi chín nghìn tám trăm lẻ bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị Trần Thị Hoài T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của tổ chức cho vay thì lãi suất mà chị T phải tiếp tục thanh toán cho tổ chức cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của tổ chức cho vay.

2. Về án phí:

- Chị Trần Thị Hoài T phải chịu số tiền 2.918.758đ (Hai triệu chín trăm mười tám nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Công ty T1 (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 930.933đ (Chín trăm ba mươi nghìn chín trăm ba mươi ba đồng) theo biên lai thu số 0008697 ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Đồng Nai).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND KV4 - Đồng Nai;
- Phòng THADS KV4 - Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thùy Trang